TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **33**/2024/DS - PT
Ngày: 29 – 01 – 2024
V/v "*Tranh chấp đòi lại tài sản* "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Hiếu

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Bé

Bà Trần Thị Thanh Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng;

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Bà Lương Thị Chung - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 29 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 132/2023/TLPT-DS ngày 17 tháng 10 năm 2023 về việc *"Tranh chấp đòi lại tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 159/2023/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 311/2023/QĐ-PT ngày 15 tháng 12 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 10/2024/QĐ – PT ngày 09 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị Tú U**, sinh năm 1990, CCCD số 049190018475 cấp ngày 27/6/2021; Địa chỉ thường trú: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Q; Địa chỉ liên hệ: Số 1xx/7 đường A, quận B, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo uỷ quyền hợp pháp của nguyên đơn: Bà V**õ Thị Minh L**, sinh năm 1962, CCCD số 036162024895 cấp ngày 27/10/2022; Địa chỉ thường trú: Tổ x7 phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng; Địa chỉ liên hệ: Số xx đường B, phường B, quận D, thành phố Đà Nẵng – là người đại diện theo ủy quyền (theo Văn bản uỷ quyền lập ngày 01/12/2023 tại Văn phòng Công chứng Trần Văn Hùng, thành phố Đà Nẵng).

Bà Nguyễn Thị Tú U và bà Võ Thị Minh L cùng có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông **Trần Đình T**, sinh năm 1981, CCCD số 048081000644; Địa chỉ: Số x5 đường C, phường T, quận E, thành phố Đà Nẵng

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Sáu H**, sinh năm 1979, CCCD số 044179004066; Địa chỉ: Phường C, quận B, thành phố Đà Nẵng – Là người đại diện theo ủy quyền (theo Giấy uỷ quyền lập ngày 12/01/2024 tại Văn phòng Công chứng Phước Nhân, thành phố Đà Nẵng). Có mặt

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số xx6/7 đường D, phường D, quận B, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

- Ông **Diệp L,** sinh năm 1975; Địa chỉ: Số x9x đường E, phường K, quận E, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

- Ông **Nguyễn D,** sinh năm 1980; Địa chỉ: Số x9x đường E, phường K, quận E, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

- Ông **Ông Văn V**, sinh năm 1978; Địa chỉ: Tổ xx, phường Đ, quận E, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

- Bà **Trần Thị Thanh V1**, sinh năm 1976; Địa chỉ: Số x5 đường C, phường T, quận E, thành phố Đà Nẵng Vắng mặt

4. *Người kháng cáo*: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tú U và bị đơn ông Trần Đình T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 17/11/2022 cũng như trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Tú U và đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Võ Thị Minh L trình bày:*

Vào ngày 26/4/2022 bà Nguyễn Thị Tú U đã đến Cửa hàng ô tô Bảo Phương D để xem xe và thỏa thuận thống nhất về việc mua chiếc xe ô tô Mercedes C200 đã qua sử dụng giá xe là 855.000.000 đồng *(Tám trăm năm mươi lăm triệu đồng)* và chuyển khoản đặt cọc 5.000.000 đồng cho Của hàng ô tô Bảo Phương D qua tài khoản của ông Nguyễn D tại Ngân hàng Techcombank.

Ngày 27/4/2022 bà U tiếp tục chuyển tiền đặt cọc 5.000.000 đồng và ngày 09/5/2022 chuyển tiếp 190.000.000 đồng. Tổng số tiền đã đặt cọc là 200.000.000 đồng *(hai trăm triệu đồng)*. Hai bên thỏa thuận, sau khi làm xong thủ tục sang tên cho bà U, bà U sẽ chuyển đủ tiền mua xe và nhận bàn giao xe.

Chiều ngày 06/6/2022 bà U chuyển đủ cho Của hàng ô tô Bảo Phương D số tiền mua xe còn lại là 655.000.000 đồng qua tài khoản của ông Nguyễn D tại Ngân hàng Vietcombank và Techcombank. Do vợ chồng bà U hộ khẩu ở Quảng Nam nên vợ chồng bà đã nhờ anh Trần Đình T là người có quan hệ thân thiết và cùng nhau làm ăn với nhau để đứng tên hộ trên giấy đăng ký xe để có biển số tại Đà

Nẵng, sau khi đăng ký xe xe có biển số là 43A-xxx.39.

Sau khi mua xe, xe ô tô này thường gửi nhờ tại nhà ông T vì điều kiện vợ chồng bà U đang ở trọ nên không có chỗ để xe và vợ chồng bà U chưa có giấy phép lái xe. Do đó, trong công việc, ông T thường dùng xe này chở vợ chồng bà U. Đến ngày 22/7/2022 bà U gọi điện thoại cho bà Trần Thị Thanh V1 (chị T) để lấy lại xe sử dụng thì bà V1 né tránh, dấu xe của bà. Đến ngày 25/7/2022 chồng bà U từ thành phố Hồ Chí Minh về, có đến gặp ông T và bà V1 để lấy xe nhưng ông T và bà V1 không chịu giao xe và nói xe này là của ông T.

Nay bà Nguyễn Thị Tú U yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Đình T phải trả lại cho bà xe ô tô Mercedes C200, biển kiểm sát 43A-xxx-39 và thực hiện thủ tục sang tên giấy chứng nhận đăng ký xe cho bà U.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Trần Đình T và tại phiên toà sơ thẩm đại diện theo uỷ quyền của bị đơn là bà Trần Thị Thanh V1 trình bày:*

Ông T và vợ chồng anh Nguyễn Văn N, chị Nguyễn Thị Tú U có quen biết là đồng hương và cùng làm ăn chung từ hơn 10 năm nay. Vào khoảng tháng 4/2022, vợ chồng ông N biết ông T đang có nhu cầu mua xe ô tô để phục vụ công việc làm ăn của gia đình, nên vợ chồng ông N đã giới thiệu cho ông T chiếc xe ô tô của người thân ông N làm tại Cửa hàng xe ô tô Phương Bảo D. Vợ chồng ông N tiếp cận, làm việc đặt cọc với cửa hàng bán xe như thế nào ông T không biết, sau khi tới cửa hàng xe để xem và kiểm tra xe, ông T đồng ý mua với giá cả mà ông N báo cho T và sau đó T tiến hành chuyển tiền cho vợ chồng ông N để đặt cọc và thanh toán tiền cho cửa hàng xe.

Số tiền ông T đã chuyển khoản và giao tiền mặt cho vợ chồng N, U như sau:

Ngày 18/5/2022 chuyển cho U 50.000.000 đồng

Ngày 19/5/2022 chuyển cho U 190.250.000 đồng (Trong đó 190 triệu đồng là tiền đặt cọc xe, 250.000 đồng là tiền uống nước T nợ vợ chồng U)

Ngày 05/6/2022 đưa tiền mặt cho U 365.000.000 đồng

Ngày 06/6/2022 chuyển khoản cho U 250.000.000 đồng

Tổng cộng 855.250.000 đồng .

Ngày 06/6/2022, ông T cùng vợ chồng N đến cửa hàng xe để chuyển tiền thanh toán số tiền còn lại cho cửa hàng, cung cấp chứng minh và các giấy tờ liên quan để làm giấy tờ xe và nhận xe.

Ông T khẳng định xe ô tô này là của ông T, do ông T mua và đứng tên. Vợ chồng ông N bà U chỉ là người giới thiệu để mua xe. Vì tin tưởng vợ chồng N có quan hệ đồng hương và có quan hệ làm ăn lâu năm nên ông T tôn trọng và không tham gia vào việc môi giới giữa vợ chồng ông N và cửa hàng bán xe. Ông T chỉ

quan tâm đến chuyện giá cả, chất lượng hợp lý thì mua xe và chuyển tiền cho vợ chồng N, U để thanh toán tiền mua xe. Giấy tờ xe đứng tên ông T, do đó ông T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tú U.

** Trình bày của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm.*

- Bà Trần Thị Thanh V1 trình bày: Giữa bà V1, ông Trần Đình T (em trai) với vợ chồng bà Nguyễn Thị Tú U ông Nguyễn Văn N có mối quan hệ quen biết thân thiết nhau lâu năm. Trong quá trình làm ăn thì giữa bà, ông T với vợ chồng bà U, ông N có rất nhiều giao dịch tiền bạc với nhau. Riêng đối với khoản tiền 250.000.000 đồng ông T chuyển cho bà U vào ngày 06/6/2022 là khoản tiền ông T chuyển cho bà U để mua xe ô tô, hoàn toàn không liên quan đến khoản tiền làm ăn vay mượn giữa bà V1 với bà U. Ngoài các giao dịch được thực hiện chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng thì giữa bà, ông T và vợ chồng bà U ông N còn có rất nhiều lần giao dịch tiền mặt khác nhưng các bên không viết giấy giao nhận.

- Ông Diệp L tại biên bản hòa giải ngày 16/02/2023, biên bản xác minh ngày 16/6/2023 đã trình bày: Ông L làm kinh doanh mua bán ô tô tại Cửa hàng ô tô Bảo Phương D, khoảng tháng 5 đến tháng 6 năm 2022 bà Nguyễn Thị Tú U có liên hệ với ông để mua 01 xe ô tô Mercedes C200 cũ với giá 855 triệu đồng. Bà U là người liên hệ mua xe và thanh toán tiền mua xe. Theo yêu cầu của bà U thì Cửa hàng ô tô Bảo Phương D đã xuất hòa đơn cho người mua xe là ông Trần Đình T (người đứng tên mua xe trên hóa đơn) để làm thủ tục đăng ký xe. Nội dung sự việc ông chỉ biết như vậy, còn nội dung thỏa thuận giữa bà U và ông T như thế nào thì ông hoàn toàn không biết. Khi đi đăng ký xe thi ông T là người bấm biển số, khi giao xe tại cửa hàng có vợ chồng bà U và ông T đi nhận xe.

- Ông Ông Văn V trình bày: Ngày 25/7/2022 ông V có mua của ông Trần Đình T 01 chiếc xe ô tô Mercedes C200 BKS 43A-xxx.39 với giá 730 triệu đồng. ông V thanh toán tiền thông qua ngân hàng. Hiện nay xe này ông V đã bán cho người khác, xe ô tô hiện nay ở đâu thì ông không biết.

- Tại bản tự khai đề ngày 04/5/2023, ông Nguyễn Văn N trình bày: Vào ngày 08/5/2022 ông cùng vợ là bà Nguyễn Thị Tú U có mua ô tô tại Cửa hàng ô tô Bảo Phương D xe ô tô có biển số là 20A-xxx.15 với giá 855.000.000 đồng. Đến ngày 6/6/2022 vợ chồng ông có nhờ ông Diệp L làm thủ tục xuất hóa đơn đứng tên Trần Đình T đứng hộ tên, sau khi sang tên ông T thì xe mang biển kiểm soát 43A-xxx.39. Lý do vợ chồng ông nhờ ông Trần Đình T đứng tên là vì: ông T là chỗ quen biết, thân tình cùng nhau làm ăn, khi đó vợ chồng ông hộ khẩu ở Quảng Nam,

lại không có bằng lái nên nhờ ông T đứng tên để có biển số Đà Nẵng, nhưng sau đó ông T lại đem xe ô tô của vợ chồng ông bán cho người khác. Ông N thống nhất với trình bày của bà Nguyễn Thị Tú U, yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Đình T phải trả lại cho bà U số tiền 855.000.000 đồng mà vợ chồng ông đã mua xe.

- Tại đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 16/6/2023 ông Nguyễn D trình bày: Vào khoảng tháng 5, 6 năm 2022 vợ chồng bà Nguyễn Thị Tú U có liên hệ với của hàng Bảo Phương D để liên hệ mua 01 xe ô tô Mercedes C200, màu trắng. Qúa trình làm việc, trao đổi việc mua bán xe thì ông Diệp L là người trực tiếp thực hiện. Nội dung trao đổi cụ thể về việc mua bán, giao tiền, xuất hóa đơn như thế nào là do ông Diệp L thực hiện.

Theo kết quả cung cấp thông tin và phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới của Phòng cảnh sát Giao thông – Công an thành phố Đà Nẵng xác định: Xe ô tô BKS 43A-xxx.39 có nguồn ngốc đăng ký lần đầu vào ngày 12/8/2015 và sang tên di chuyển khác tỉnh từ Thái Nguyên BKS cũ là 20A-xxx.15 sang tên cho Hộ kinh doanh Bảo Phương D. Ngày 06/6/2023 xe đăng ký chuyển đến đứng tên chủ xe Trần Đình T, BKS là: 43A-xxx.39. Xe ô tô này sau đó đã sang tên qua nhiều người khác, cụ thể: ngày 11/8/2022 ông Ông Văn V thực hiện thủ tục sang tên khác tỉnh. Ngày 18/8/2022 đăng ký biển số 61K-1xx.38 đứng tên chủ xe Lê Thanh S; Ngày 08/12/2022 đăng ký biển số 51K-5xx.66 đứng tên chủ xe là Lâm Thanh H, phường T, quận xx, TP Hồ Chí Minh.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn, đại diện hợp pháp của nguyên đơn và bị đơn, đại diện hợp pháp của bị đơn thống nhất giá trị của xe ô tô Mercedes C200, BKS 6xx.39 là 730.000.000 đồng.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xe ô tô 43A-xxx.39 ông T đã bán cho người khác, hiện không thu hồi được, do đó nguyên đơn, đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, theo đó, không yêu cầu ông Trần Đình T phải trả lại cho bà xe ô tô Mercedes C200, biển kiểm sát 43A-xxx.39 và thực hiện thủ tục sang tên giấy chứng nhận đăng ký xe cho bà U, mà yêu cầu buộc ông Trần Đình T trả lại cho bà Nguyễn Thị Tú U giá trị của xe ô tô Mercedes C200, BKS 6xx.39 mà ông T đã bán là 730.000.000 đồng *(Bảy trăm ba mươi triệu đồng).*

** Với nội dung vụ án như trên, Bản án dân sự sơ thẩm số: 159/2023/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận E, thành phố Đà Nẵng quyết định:*

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 221, 223; Điều 513, 515, 519 Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử :

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tú U đối với bị đơn ông Trần Đình T về việc *"Tranh chấp đòi lại tài sản".*

Tuyên buộc ông Trần Đình T phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Tú U số tiền: 365.000.00 đồng *(Ba trăm sáu mươi lăm triệu đồng).*

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tú U về việc buộc bị đơn ông Trần Đình T phải trả cho bà U số tiền 365.000.000 đồng *(Ba trăm sáu mươi lăm triệu đồng).*

2. Về án phí: Bị đơn ông Trần Đình T phải chịu 18.250.000 đồng *(Mười tám triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tú U phải chịu 18.250.000 đồng *(Mười tám triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu khởi kiện không được Tòa án chấp nhận. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng mà bà U đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009270 ngày 14/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận E, còn lại bà U phải tiếp tục nộp là: 17.950.000 đồng *(Mười bảy triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng).*

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về thi hành án dân sự và quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 11 tháng 09 năm 2023, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tú U và bị đơn ông Trần Đình T đều có Đơn kháng cáo.

Bà Nguyễn Thị Tú U kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về việc không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà U về việc buộc bị đơn ông Trần Đình T phải trả cho bà U số tiền 365.000.000 đồng.

Theo đơn kháng cáo bà U cho rằng: Khoản tiền 250.000.000 đồng ông T chuyển khoản cho bà U là tiền bà U mượn của bà Trần Thị Thanh V1, do bà V1 không có tiền nên nhờ ông T chuyển hộ cho bà V1, không phải là khoản tiền ông T chuyển khoản cho bà U để mua ô tô Mercedes C200, BKS 43A-xxx.39. Ngày 05/6/2022 ông Trần Đình T không giao cho bà U tiền mặt 365.000.000 đồng như ông T trình bày. Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét, đánh giá các chứng cứ trong vụ án và lời trình bày của bà U, xét xử phúc thẩm theo hướng chấp nhận toàn

bộ yêu cầu khởi kiện của bà U, buộc ông T phải trả đủ số tiền mà ông T đã bán xe là 730.000.000đ cho vợ chồng bà U.

Ông Trần Đình T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, theo đơn kháng cáo ông T cho rằng: bà U, ông N không chứng minh được việc nhờ ông T đứng tên chiếc xe, mọi giao dịch liên quan đến bà U đã kết thúc từ khi chiếc xe được sang tên cho ông T, ông T là người quản lý, sử dụng chiếc xe trong một thời gian dài. Ông N là người biết rõ sự việc nhưng không tham gia phiên toà để đối chất với ông T và bà V1. Vì vậy, ông T yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm xét xử phúc thẩm theo hướng sửa bản án sơ thẩm, công nhận xe ô tô Mercedes C200, BKS 43A-xxx.39 là của ông T, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà U về việc buộc ông T trả lại giá trị xe là 730.000.000 đồng.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn và bị đơn đều giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị HĐXX sửa bản án sơ thẩm theo nội dung đã trình bày trong đơn kháng cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tú U; Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Đình T; Sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tú U.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa phúc thẩm, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn N, bà Trần Thị Thanh V1, ông Diệp L, ông Nguyễn D và ông Ông Văn V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt đối với các đương sự trên.

[2] Xét đồng thời kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tú U và bị đơn ông Trần Đình T.

[2.1] Về khoản tiền 250.000.000đ do ông Trần Đình T chuyển khoản vào tài khoản bà Nguyễn Thị Tú U vào ngày 06.6.2022: Bà U xác định đây là khoản tiền bà U mượn của bà Trần Thị Thanh V1, không phải tiền ông T chuyển khoản để mua xe ô tô. Nội dung trình bày này của bà U không được ông T và bà V1 thừa nhận. Bà U cũng không cung cấp được tài lieu, chứng cứ nào rõ ràng để chứng

minh đây là khoản tiền mượn của bà V1. Do đó, không có cơ sở chấp nhận nội dung trình bày này của bà U.

[2.2] Xe ô tô Mercedes C200, BKS 43A- 687.39, đứng tên chủ sở hữu trên giấy đăng ký xe là ông Trần Đình T có nguồn gốc được mua tại của hàng mua bán xe ô tô Bảo Phương D. Hóa đơn bán hàng của cửa hàng Bảo Phương D thể hiện người mua xe là ông Trần Đình T. Quá trình mua xe, giao xe thì ông Trần Đình T đều có mặt, khi làm thủ tục đăng ký chủ sở hữu thì ông T là người bấm biển số. Giấy tờ xe ô tô 43A- 6xx.39 do ông T cất giữ, xe ô tô này cũng để tại nhà ông T, do ông T quản lý, sử dụng hằng ngày.

Bà U cho rằng xe ô tô Mercedes C200, BKS 6xx.39 do vợ chồng bà mua và nhờ ông T đứng tên giúp trong giấy đăng ký xe. Tuy nhiên, trong quá trình thỏa thuận đặt cọc, thanh toán tiền mua bán xe với Cửa hàng bán xe Bảo Phương D bà U không đề cập về nội dung này, giữa vợ chồng bà U và ông T không có lập văn bản về việc nhờ ông T đứng tên giúp trên giấy tờ xe, các tài liệu, chứng cứ do bà U cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án gồm các tin nhắn, hình ảnh ... trao đổi giữa hai bên cũng không có nội dung nào nói đến việc nhờ ông T đứng tên giúp trên giấy tờ xe.

Về lý do nhờ ông T đứng tên giúp trên giấy tờ xe, theo bà U là do vợ chồng bà không có hộ khẩu tại thành phố Đà Nẵng và chưa có giấy phép lái xe ô tô cũng không phù hợp. Bởi lẽ pháp luật không bắt buộc người có giấy phép lái xe ô tô mới được đứng tên trong giấy tờ đăng ký xe ô tô. Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm bà U cũng thừa nhận bà có người thân là chị ruột thường trú tại Đà Nẵng nhưng không nhờ người thân đứng tên giúp trên giấy tờ xe, giữa vợ chồng bà U và ông T cũng có nhiều lần giao tiền mặt cho nhau nhưng không viết giấy giao nhận.

[2.2] Từ nhưng căn cứ trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, trình bày của bà Nguyễn Thị Tú U về việc xe ô tô Mercedes C200, BKS 43A-xxx.39 do vợ chồng bà mua và nhờ ông T đứng tên giúp trên giấy đăng ký xe là không có cơ sở. Có cơ sở xác định ông Trần Đình T đã thanh toán tiền mua xe thông qua bà U, ông N, trong đó, chuyển khoản cho bà U số tiền 490.000.000 đồng và đưa tiền mặt là 365.000.000 đồng. Ông Trần Đình T là chủ sở hữu đối với xe ô tô Mercedes C200, BKS 43A-xxx.39 theo Giấy đăng ký xe do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Đà Nẵng cho ông Trần Đình T. Bản án sơ thẩm xác định ông Trần Đình T là chủ sở hữu xe ô tô Mercedes C200, BKS 43A-xxx.39 là đúng, nhưng lại tU buộc ông Trần Đình T có trách nhiệm thanh toán lại cho bà Nguyễn Thị Tú U số tiền 365.000.000 đồng là không có cơ sở. Quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm, bà Nguyễn Thị Tú U cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho kháng cáo của mình là có cơ sở.

[3] Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tú U, có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Đình T. Sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tú U đối với bị đơn ông Trần Đình T về việc đòi lại tài sản, buộc ông Trần Đình T trả lại cho bà Nguyễn Thị Tú U giá trị xe ô tô Mercedes C200, BKS 43A-xxx.39 ông T đã chuyển nhượng là 730.000.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự:

[3.1] Án phí sơ thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên bà Nguyễn Thị Tú U phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm là: 20.000.000đ + (330.000.000đ x 4%) = 33.200.000 đồng; Ông Trần Đình T không phải chịu án phí sơ thẩm, theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[3.2] Án phí phúc thẩm: Căn cứ khoản 1, 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/NQ- UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà Nguyễn Thị Tú U phải chịu án phí phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận; Ông Trần Đình T không phải chịu án phí phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tú U; Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Đình T.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 159/2023/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2023 *"V/v Tranh chấp đòi lại tài sản"* của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ:

- Khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 221, 223 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử :

1. Không Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc *"Tranh chấp đòi lại tài sản"* của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tú U đối với bị đơn ông Trần Đình T, về

việc buộc ông Trần Đình T trả lại cho bà Nguyễn Thị Tú U giá trị xe ô tô Mercedes C200, BKS 43A-xxx.39 ông T đã chuyển nhượng là 730.000.000 đồng.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Tú U phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm là 33.200.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng mà bà U đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009270 ngày 14/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, bà U phải tiếp tục nộp là: 32.900.000 đồng *(Ba mươi hai triệu, chín trăm nghìn đồng).*

Ông Trần Đình T không phải chịu án phí sơ thẩm.

2.2. Án phí phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Tú U phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0001811 ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Như vậy, bà U đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Ông Trần Đình T không phải chịu án phí phúc thẩm, được trả lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0001813 ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hánh án theo quy định tại Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- Các đương sự;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Chi Cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Cao Văn Hiếu